

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/DS-PT

Ngày 21-7-2020

V/v “*Tranh chấp quyền sử
dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 95/2020/TLPT-DS ngày 28/4/2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 (có mặt)

Bà Lê Thị L, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Lê Hữu T, SN 1983. Địa chỉ : 54N/6, Kp Bình Đáng, phường B, Thị xã T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1991 (xin vắng)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Anh Nguyễn Đình S, SN 1999 (vắng mặt)

Anh Nguyễn Đình S1, SN 2003 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C trình bày:

Anh C có diện tích đất 224,3m², có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), số CS02453, thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 16, do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/01/2018, đất tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; vị trí thửa đất của anh C cách thửa đất của ông H, bà L con đường đất khoảng 03m; hiện nay con đường này ông H, bà L đã rào lại; nguồn gốc thửa đất do anh C nhận chuyển nhượng của ông Lưu Văn L1 và bà Phạm Thị T1 vào năm 2016, ông L1, bà T1 được cấp tái định cư trước đó; hồ sơ diện tích đất cấp cho ông L1, bà T1 là 224m², sau khi nhận chuyển nhượng, năm 2018 anh C làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ, đo đạc thì có diện tích là 224,3m², anh C không rõ diện tích tăng, do cơ quan có thẩm quyền thực hiện, anh C không nhận sang nhượng thêm từ ai, cũng không được ai tặng cho thêm. Do ở xa nên đến tháng 9/2018 anh C mới phát hiện ông H và bà L đã lấn chiếm toàn bộ diện tích đất của anh C là 224,3m²; sau khi phát hiện việc lấn chiếm anh C có làm đơn lên Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Đ để giải quyết, UBND xã có xuống lập biên bản nhưng ông H, bà L không hợp tác, không tuân thủ ý kiến của xã mà cố tình xây dựng công trình trên phần đất lấn chiếm của anh C. Nay anh C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc ông H, bà L phải giao trả lại cho anh C diện tích đất 224,3m² và tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất. Không yêu cầu gì thêm. Tài liệu chứng cứ anh C giao nộp gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; biên bản hòa giải ở xã Đ; hồ sơ cấp đất tái định cư; biên bản về việc xây dựng công trình lấn chiếm đất tái định cư ngày 18/9/2018.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 224,3m² hiện nay ông H, bà L đang quản lý, sử dụng là của ông B, sau đó ông B cho con trai của ông là anh Điều Ngun (Gun), sau đó anh Ngun sang nhượng cho ông Phạm Đình Dưỡng đến ngày 11/11/2008 ông Dưỡng sang nhượng lại cho ông H, bà L và ông H, bà L sử dụng đất liên tục đến nay. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất UBND xã có xuống lập biên bản nhưng không rõ nội dung gì, ngày 18/9/2018 ông H, bà L xây nhà cấp 4 trên đất; tháng 9/2018 UBND xã có triệu tập ông H, bà L lên xã để làm việc nhưng ông H, bà L không lên. Nay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh C, không trả đất cho

anh C; khẳng định diện tích đất 224,3m² là của ông H, bà L đã nhận sang nhượng từ ông Dưỡng, đất được cấp giấy CNQSDĐ, sang nhượng hợp pháp. Tài liệu chứng cứ ông H, bà L giao nộp gồm giấy CNQSDĐ của hộ ông H, bà L; giấy xác nhận của xã; Ngoài ra, không nộp gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D qua lời khai trình bày:

Chị và anh C chung sống, kết hôn từ năm 2018; diện tích đất 224,3m² anh C đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B, là tài sản riêng của anh C, do anh C nhận chuyển nhượng trước khi kết hôn với chị D, nay chị D không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này. Chị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết vắng mặt; chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất 224,3m² và giao trả cho anh Nguyễn Hữu C diện tích đất 224,3m²; tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ đo đạc 401 – 04050-2019 của Công ty TNHH – MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 huyện B, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/12/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2019/DS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước để xét xử lại cho đúng và khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: Khi mua đất anh C có đến xem đất, vị trí đất. Khi mua là sân đá bóng, không có tài sản gì trên đất, xung quanh đều là đất trống. Do ở xa không có điều kiện để quản lý thửa đất nên ông H, bà L đã lấn chiếm. Anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông H, bà L mua từ ông Dưỡng sử dụng ổn định từ năm 2008 đến nay. Anh C mua đất nhưng không biết được đất ở vị trí nào, tứ cận, giáp ranh với ai và chưa thấy ai đến đo đạc. Ông C, bà L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bởi nguồn gốc đất năm 2006 ông Gun chuyển nhượng cho ông

Dưỡng, 2008 ông Dưỡng chuyển nhượng lại cho ông H, bà L. Sau khi nhận gia đình ông H đã san bằng sử dụng ổn định. Anh C mua đất nhưng không biết diện tích đất của mình cụ thể như thế nào. Nguyên đơn có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp chồng. Đối với biên bản H giải ngày 19/9/2018 tại cơ sở không đúng, sai phạm về quy trình, thời hạn giải quyết, thiếu thành phần. Gia đình ông H có 4 người nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ triệu tập ông H, bà L không triệu tập anh S, anh S1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Năm 2016 UBND xã B cấp tái định cư nhưng không đo đạc theo thực tế đã cấp nhầm đất của ông H, bà L. Tòa án nhân dân huyện B không trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng đo đạc chỉ có ông C với công ty đo đạc thực hiện, biên lai Hóa đơn giá trị gia tăng viết bi không hợp lý, hợp đồng đo đạc không ghi ngày tháng, không có đương sự ký, ông H, bà L không biết việc đo đạc (bút lục 63). Do vậy, ảnh hưởng đến chi phí tố tụng quyền lợi của đương sự. Thẩm phán Đỗ Duy Học ký công văn thu thập chứng cứ là vượt quá quy định. Từ những lập luận trên thì vụ án chưa đủ điều kiện thụ lý vụ án. Tòa án sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, không khách quan, không toàn diện. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H, HĐXX thấy rằng:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo ngày 23/12/2019 đề tên ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L nhưng phần cuối đơn chỉ có ông H ký tên. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà L ký và ghi rõ họ tên vào đơn kháng cáo là có thiếu sót nên cần nhắc nhở để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L và ông H trình bày

đều có yêu cầu kháng cáo như đã nêu trong đơn. Xét thiếu sót trên là của Tòa án cấp sơ thẩm nên cần chấp nhận và xác định cả ông H và bà L là người kháng cáo để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nhằm bảo đảm quyền lợi của người kháng cáo.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại với lý do Tòa án nhân dân huyện B thông báo với ông bà thời gian mở phiên tòa là ngày 18/11/2019 nhưng trên thực tế thì mở phiên tòa ngày 15/11/2019.

Theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện, những văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện B tổng đạt thì ông H, bà L không đồng ý nhận, cụ thể: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019 ngày 30/9/2019 được tổng đạt được vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 04/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 được tổng đạt vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 28/10/2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 10/TB-TA ngày 05/11/2019 được tổng đạt vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 07/11/2019 thể hiện thời gian mở phiên tòa là ngày 15/11/2019. Như vậy, không có chứng cứ chứng minh rằng thời gian mở phiên tòa mà Tòa án thông báo là ngày 18/11/2019 như ông H đã trình bày trong đơn kháng cáo. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo này của ông H bà L không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn có bổ sung yêu cầu kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm còn có một số vi phạm về tố tụng như:

- Vụ án chưa đủ điều kiện thụ lý vì sai phạm về quy trình, thời hạn giải quyết, bị đơn không tham gia hòa giải cơ sở, chưa có kết quả hòa giải thành hay không thành.

- Anh Nguyễn Đình S và anh Nguyễn Đình S1 là con của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L nhưng cấp sơ thẩm không đưa anh S, anh S1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định của pháp luật.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lưu Văn L, ông Phạm Đình Dưỡng, ông Nguyễn Văn H để làm rõ nguồn gốc đất của anh C và ông H là thiếu sót.

Xét thấy, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các thủ tục tổng đạt từ cấp cơ sở là UBND xã Đ đến giai đoạn tại TAND huyện B; cơ quan và người có thẩm quyền đã triệu tập ông H, bà L nhiều lần để giải quyết nhưng ông bà không hợp tác, không nhận giấy mời, giấy triệu tập, kể cả có đơn thư thể hiện sẽ vắng mặt không tham gia giải quyết. Vì vậy, UBND xã Đ có lập biên bản với nội dung không hòa giải được và TAND huyện B cũng lập biên bản không hòa giải được.

là đúng quy định của pháp luật. Việc UBND xã Đ lập biên bản không hòa giải được xem như đã đủ điều kiện để thụ lý vụ án về quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng đối với Nguyễn Đình S và Nguyễn Đình S1, TAND tỉnh Bình Phước đã có văn bản trả lời rõ tại công văn trả lời khiếu nại số 04/CV-TA ngày 19/6/2020.

Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lưu Văn L, ông Phạm Đình Dưỡng, ông Nguyễn Văn H TAND tỉnh Bình Phước đã thu thập bổ sung đầy đủ để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Ngoài ra, bị đơn còn cho rằng một số tài liệu như công văn trả lời của UBND xã Đ có nội dung giống nhau như công văn trả lời của UBND xã Đ đối với vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa bà Phạm Thị Nguyệt với ông Nguyễn Văn H mà trước đó do Thẩm phán Đỗ Duy Học thu thập và giải quyết ở Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của TAND huyện B. Nội dung trả lời này là không đúng sự thật, không khách quan. Xét thấy, ông H, bà L được quyền khiếu nại nếu thấy không đúng với cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo Luật khiếu nại, tố cáo.

Về nội dung:

[3] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì vào năm 2017 anh Nguyễn Hữu C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lưu Văn L, bà Phạm Thị T1 với diện tích 224,3m², thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Khi chuyển nhượng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và bà T1. Đến ngày 10/01/2018, ông C được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận số CS02453. Do ở xa nên đến tháng 9/2018 anh C mới phát hiện ông H và bà L đã lấn chiếm toàn bộ diện tích đất của anh C nên anh C khởi kiện buộc ông H, bà L phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho anh C diện tích đất 224,3m².

[4] Tuy nhiên, ông H, bà L lại cho rằng diện tích đất 224,3m² là của ông B, sau đó ông B cho con trai là anh Điều Ngun (Gun), sau đó anh Ngun sang nhượng cho ông Phạm Đình Dưỡng, đến ngày 11/11/2008 ông Dưỡng sang nhượng lại cho ông H, bà L và ông H, bà L sử dụng đất ổn định cho đến nay.

Xét lời trình bày của các bên đương sự thấy rằng:

[5] Diện tích đất 224,3m² có nguồn gốc là do ông Lưu Văn L1 được cấp tái định cư theo Quyết định số 1666/QĐ- UBND ngày 06/9/2012 của UBND huyện B phê duyệt danh sách các hộ dân được giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất trong khu dân cư xã Đ, vị trí đất là lô số 10 khu B3 (Theo Biên bản về việc hợp, bốc thăm lô đất tái định cư khu dân cư Đăk Xuyên xã Đ (BL 91). Ngày

20/10/2017, ông Lưu Văn L1, bà Phạm Thị T1 được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01745 tại thửa số 191, tờ bản đồ số 16 với diện tích 224,3m². Ngày 21/11/2017, ông L1, bà T1 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Hữu C toàn bộ diện tích đất nêu trên. Đến ngày 11/01/2018, Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02453 đối với thửa đất nêu trên cho anh Nguyễn Hữu C.

[6] Diện tích đất của ông H, bà L đang quản lý sử dụng có nguồn gốc của ông B, sau đó ông B cho ông Điều Ngun (Gun). Sau đó, ông Gun bán lại cho ông Phạm Đình Dưỡng và ông Dưỡng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00032 vào ngày 26/4/2006 với diện tích đất 829m² thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 16, vị trí diện tích đất này cách khu đất tái định cư một con đường mòn rộng khoảng 03m. Đến năm 2014, ông Dưỡng chuyển nhượng lại cho ông H, bà L và vợ chồng ông H, bà L được UBND huyện B cấp lại GCNQSDĐ số BN386891 ngày 26/4/2014, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 16 với diện tích 829m² (trong đó có 200m² đất thổ cư).

[7] Như vậy, thửa đất số 191 của ông C và thửa đất số 115 của ông H, bà L là hai thửa đất độc lập, không trùng lặp và ở hai vị trí khác nhau, khoảng cách giữa hai thửa đất là con đường mòn 03m và khoảng đất trống được thể hiện rõ trên thực địa và trên bản đồ địa chính tổng thể khu đất tái định cư. Ông H và bà L đã sử dụng đất không đúng vị trí, lấn chiếm sang thửa đất số 191 của ông C nên yêu cầu khởi kiện của anh C buộc ông H, bà L giao trả diện tích đất 224,3m² cho anh C là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về tài sản trên đất: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Tháng 9/2018 ông H, bà L đổ vật liệu để xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên diện tích 224,3m²; anh C phát hiện và đã làm đơn đến UBND xã Đ để giải quyết; UBND xã Đ đã mời ông H, bà L lên xã để giải quyết vụ việc, tuy nhiên ông H, bà L không hợp tác, không đến xã để làm việc; ngày 18/9/2018 UBND xã Đ xuống hiện trường và lập biên bản về việc xây dựng công trình lấn chiếm đất tái định cư, đã được nhắc nhở nhưng ông H, bà L không chấp hành và cố tình xây dựng 01 căn nhà cấp 4, có kết cấu tường trước 20cm, xung quanh xây tường dày 10cm, nền gạch hoa, la phong tôn, mái lợp tôn, cửa sắt, diện tích 5,5m x 23,8m = 130,9m² và hiên nhà phía trước. Như vậy, việc ông H, bà L tự ý xây dựng nhà và các công trình khác trên thửa đất số 191, tờ bản đồ số 16 của anh C là hành vi trái phép nên cần tuyên buộc di dời, tháo dỡ để trả đất cho anh C là đúng quy định.

[9] Từ các căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng rào để trả lại diện tích đất 224,3m² cho anh C là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, nên cần giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của ông H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ các Điều 183, 256 của Bộ luật dân sự năm 2005.
- Căn cứ các Điều 166, 203 của Luật đất đai năm 2013
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất 224,3m² và giao trả cho anh Nguyễn Hữu C diện tích đất 224,3m²; tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, theo bản đồ đo đạc 401 – 04050-2019 của Công ty TNHH – MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng);

Chi cục thi hành án Dân sự huyện B hoàn trả lại cho anh Nguyễn Hữu C số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009075 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện B.

- Về chi phí tố tụng khác là 4.700.000đ; buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L phải chịu; ông H, bà L có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Hữu C là 4.700.000đ (Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009968, ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo